

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỰ Ý NGHỈ HỌC DÀI NGÀY KHÔNG LÝ DO
(KHÔNG ĐĂNG KÝ MÔN HỌC HAI HỌC KỲ LIÊN TIẾP TRỞ LÊN)**

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
1	CK&DL	D13CKCTM	18810610042	HOÀNG NGỌC	ĐĂNG	02/01/2000
2	CK&DL	D13CODT1	18810620082	LÊ TRUNG	HIẾU	08/05/2000
3	CK&DL	D13CODT1	18810620067	LÊ QUANG	ĐẠT	28/02/2000
4	CK&DL	D13CODT1	18810620023	NGUYỄN NHƯ HOÀI	ANH	16/11/2000
5	CK&DL	D13CODT1	18810620088	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	17/07/2000
6	CK&DL	D13CODT2	18810620101	KIỀU TIẾN	ANH	03/08/2000
7	CK&DL	D13CODT2	18810620130	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	14/09/2000
8	CK&DL	D13CODT2	18810620008	HOÀNG QUỐC	VIỆT	19/05/2000
9	CK&DL	D13CODT3	18810620021	ĐỖ ĐỨC	LONG	28/07/2000
10	CK&DL	D13CODT3	18810620100	NGUYỄN ANH	TUẤN	25/12/2000
11	CK&DL	D13CODT3	18810620028	PHẠM VĂN	LỘC	15/06/2000
12	CK&DL	D13CODT3	18810620037	VŨ ĐỨC	TÙNG	29/07/2000
13	CK&DL	D14CKCTM	19810610051	TRẦN VĂN	LINH	29/08/2001
14	CK&DL	D14CKCTM	19810610142	LẠI XUÂN	CƯỜNG	5/4/2001
15	CK&DL	D14CKCTM	19810660027	PHẠM XUÂN	CÔNG	24/04/2001
16	CK&DL	D14CKCTM	19810610106	DƯƠNG LONG	VŨ	25/07/2001
17	CK&DL	D14CKOTO	19810000107	NGUYỄN VĂN	NGỌC	21/06/2001
18	CK&DL	D14CKOTO	19810000084	NGUYỄN VĂN	ANH	13/01/2001
19	CK&DL	D15CKCTM	20810000204	BÙI QUANG	ĐỨC	18/09/2002
20	CK&DL	D15CKCTM	20810660269	BÙI ĐỨC	LONG	18/04/2002
21	CK&DL	D15CKOTO1	20810610028	TRẦN VIỆT	KHOA	23/7/2002
22	CK&DL	D15CKOTO1	20810610251	ĐỖ BÀ	MINH	21/05/2002
23	CK&DL	D15CKOTO1	20810610021	NGÔ MẠNH	THẾ	07/5/2002
24	CK&DL	D15CKOTO1	20810610023	NGUYỄN VĂN	DŨNG	14/11/2002
25	CK&DL	D15CKOTO1	20810610031	ĐỖ ANH	DŨNG	07/7/2002
26	CK&DL	D15CKOTO1	20810610264	CHU VĂN	ĐÔ	19/09/2002
27	CK&DL	D15CKOTO1	20810610024	ĐOÀN DUY	QUANG	17/7/2002
28	CK&DL	D15CODCT	20810630062	LÊ VĂN	BẮC	20/09/2002
29	CK&DL	D15CODCT	20810630070	HOÀNG VĂN	BANG	05/06/2001
30	CK&DL	D15CODCT	20810630034	PHÙNG VĂN	ĐẠO	25/09/2002
31	CK&DL	D15CODCT	20810630023	NGÔ HÙNG	MẠNH	31/12/2002
32	CK&DL	D15CODT1	20810620016	LÊ MẠNH	ĐỨC	30/9/2002
33	CK&DL	D15CODT2	20810620098	LÊ HÙNG	ĐỨC	22/02/2002
34	CK&DL	D15CODT2	20810620108	NGUYỄN VĂN	SƠN	04/06/2002
35	CK&DL	D15CODT2	20810620100	VŨ TUẤN	ĐỨC	18/09/2002
36	CK&DL	D15CODT2	20810620081	HOÀNG VĂN	DŨNG	19/05/2002
37	CK&DL	D15CODT2	20810620099	LÊ VĂN	BÌNH	15/08/2002
38	CK&DL	D15CODT3	20810620086	VŨ TIẾN	HÙNG	10/08/2002
39	CK&DL	D15CODT3	20810620111	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	01/04/2002
40	CK&DL	D15CODT3	20810620125	NGUYỄN NGỌC	ĐỨC	10/02/2001

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
41	CK&DL	D15CODT3	20810620130	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	08/08/2002
42	CK&DL	D15CODT3	20810620138	TRẦN NGỌC	HÙNG	17/02/2002
43	CK&DL	D16CODT4	21810620483	TRẦN XUÂN	SƠN	05/07/2003
44	CNNL	D13DIENLANH	18819120001	NGUYỄN NGỌC	LONG	16/10/2000
45	CNNL	D13DIENLANH	18819120020	NGUYỄN THANH	HẢI	24/12/2000
46	CNNL	D15DIENLANH2	20819110122	CHU BÁ	HIỆP	01/06/2002
47	CNNL	D15DIENLANH2	20819110079	PHẠM ĐỨC	TIẾN	29/07/2002
48	CNNL	D15DIENLANH2	20819110112	HOÀNG NGUYỄN	THÀNH	23/09/2002
49	CNNL	D15DIENLANH2	20819110132	PHẠM KHẮC	PHONG	20/9/2001
50	CNNL	D15DIENLANH2	20819110062	NGUYỄN KIM	TRỌNG	04/5/2002
51	CNNL	D15DIENLANH2	20819110110	NGUYỄN VỸ	TRỌNG	21/12/2002
52	CNNL	D15DIENLANH2	20819110124	NGUYỄN CÔNG	MINH	08/05/2002
53	CNNL	D15DIENLANH2	20819110131	PHẠM KHẮC	NGỌC	21/01/2002
54	CNNL	D15DIENLANH2	20819110129	PHẠM VĂN	HÀO	11/07/2002
55	CNNL	D15DIENLANH2	20819110137	BÙI MINH	TRIẾT	22/05/2002
56	CNNL	D15DIENLANH2	20819110061	TRẦN MINH	HIẾU	17/11/2001
57	CNNL	D15DIENLANH2	20819110138	PHẠM KIM	ĐÌNH	27/10/2002
58	CNNL	D15DIENLANH2	20819110125	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	31/01/2002
59	CNNL	D15DIENLANH2	20819110086	ĐINH HOÀNG	LONG	26/05/2002
60	CNNL	D15DIENLANH2	20819110111	DƯƠNG CÔNG	BẰNG	21/08/2002
61	CNNL	D15NHIETDIEN	20819110094	LÊ VĂN	ĐỨC	10/01/2002
62	CNNL	D15NLTT	20810000405	HÀ DUY	KHÁNH	06/11/2002
63	CNNL	D15NLTT	20810000340	LÊ ANH	TUẤN	28/07/2002
64	CNNL	D15QLMTCN	20810000421	MAI GIA	HUY	05/05/2002
65	CNNL	D15QLMTCN	20810000448	NGUYỄN THỊ	LÊ	18/10/2002
66	CNNL	D15QLMTCN	20810000446	NGUYỄN NGỌC	THÚY	17/12/2002
67	CNTT	D13CNPM2	18810310673	LÊ MẠNH	CƯỜNG	21/04/2000
68	CNTT	D13CNPM2	18810310140	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	25/11/2000
69	CNTT	D13CNPM2	18810310173	LÂM HUY	LONG	10/04/2000
70	CNTT	D13CNPM2	18810310727	NGUYỄN QUANG	TRUNG	25/07/2000
71	CNTT	D13CNPM2	18810310645	BẠCH TIẾN	CƯỜNG	06/11/2000
72	CNTT	D13CNPM3	18810310206	TRẦN DUY	HIẾU	14/07/2000
73	CNTT	D13CNPM3	18810310278	PHẠM NGỌC	KHÁNH	19/07/2000
74	CNTT	D13CNPM3	18810310209	LÊ XUÂN	HUY	28/02/2000
75	CNTT	D13CNPM3	18810310274	TRẦN ĐỨC	KIÊN	29/11/2000
76	CNTT	D13CNPM3	18810310263	NGUYỄN THANH	HÙNG	05/01/2000
77	CNTT	D13CNPM5	18810310686	NGUYỄN VŨ QUỐC	VIỆT	19/09/2000
78	CNTT	D13CNPM5	18810310387	CHU QUANG	TIỆP	20/05/2000
79	CNTT	D13CNPM5	18810310394	NGUYỄN TIẾN	MINH	26/08/2000
80	CNTT	D13CNPM6	18810310499	NGUYỄN DANH	DƯƠNG	24/03/2000
81	CNTT	D13CNPM7	18810310582	PHẠM VĂN	UY	29/09/2000
82	CNTT	D13CNPM7	18810310615	VŨ HOÀNG	PHÚ	18/06/2000

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
83	CNTT	D13CNPM7	18810310563	ĐẶNG ĐỨC	QUANG	30/07/2000
84	CNTT	D13CNPM7	18810310578	NGUYỄN MINH	THÁI	22/09/2000
85	CNTT	D13CNPM7	18810310669	ĐÀO DUY	TÙNG	10/11/2000
86	CNTT	D13CNPM7	18810310630	TRIỆU PHÚC	PHÚ	02/10/2000
87	CNTT	D13CNPM7	18810310627	NGUYỄN TRUNG	ANH	14/04/2000
88	CNTT	D13HTTMDT1	18810340714	THÂN ĐỨC	BÌNH	13/04/2000
89	CNTT	D13HTTMDT1	18810340324	VŨ HUY	HOÀNG	19/01/2000
90	CNTT	D13HTTMDT2	18810340637	PHẠM CÔNG	MINH	28/01/2000
91	CNTT	D13HTTMDT2	18810340653	ĐỖ VIỆT	ANH	03/07/2000
92	CNTT	D13QTANM	18810320698	NGUYỄN NGỌC	SƠN	03/01/2000
93	CNTT	D13QTANM	18810320720	PHẠM XUÂN	DŨNG	15/01/2000
94	CNTT	D13QTANM	18810320163	TRẦN THỂ	ANH	28/11/2000
95	CNTT	D13QTANM	18810320511	NGUYỄN THỂ	THẮNG	05/07/2000
96	CNTT	D13QTANM	18810320689	TRẦN THÁI	SƠN	03/09/2000
97	CNTT	D13QTANM	18810320676	TRẦN ĐẶNG MINH	THẮNG	10/07/2000
98	CNTT	D13QTANM	18810320668	MAI THỊ NGỌC	QUỲNH	15/09/2000
99	CNTT	D14CNPM1	19810310042	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	31/05/2001
100	CNTT	D14CNPM1	19810310030	PHẠM NGỌC	THÁI	17/11/2001
101	CNTT	D14CNPM1	19810310684	NGUYỄN MINH	HIẾU	17/01/2001
102	CNTT	D14CNPM2	19810310116	LÊ TRỌNG NHẬT	MINH	28/09/2001
103	CNTT	D14CNPM2	19810310655	NGUYỄN MINH	ĐỨC	28/11/2001
104	CNTT	D14CNPM2	19810310074	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	23/01/2001
105	CNTT	D14CNPM2	19810310112	LÊ VĂN	HÀ	03/09/2001
106	CNTT	D14CNPM2	19810310122	ĐINH VĂN	NAM	30/03/2001
107	CNTT	D14CNPM3	19810310663	NGUYỄN CẢNH	SÁNG	23/01/2001
108	CNTT	D14CNPM3	19810310194	ĐÀO BÁ	BIÊN	12/05/2001
109	CNTT	D14CNPM3	19810310689	NGUYỄN VĂN	NGỌC	18/03/2001
110	CNTT	D14CNPM3	19810310161	BÙI HỒNG	VIỆT	27/12/2001
111	CNTT	D14CNPM4	19810310363	HOÀNG ĐỨC	CHÍNH	04/11/2001
112	CNTT	D14CNPM4	19810310250	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	20/10/2001
113	CNTT	D14CNPM4	19810310221	NGUYỄN TIẾN	QUÂN	16/02/2001
114	CNTT	D14CNPM4	19810310269	NGUYỄN DUY	KIÊN	11/05/2001
115	CNTT	D14CNPM5	19810310316	NGUYỄN ĐÌNH	DƯƠNG	29/06/2001
116	CNTT	D14CNPM5	19810310311	VŨ QUANG	TRUNG	30/01/2001
117	CNTT	D14CNPM5	19810310292	NGUYỄN TRUNG	HÙNG	22/01/2001
118	CNTT	D14CNPM5	19810310330	VŨ VIỆT	ANH	01/05/2001
119	CNTT	D14CNPM6	19810310457	ĐỖ DANH	SƠN	23/11/2001
120	CNTT	D14CNPM6	19810310405	LÊ TÙNG	LÂM	12/09/2001
121	CNTT	D14CNPM6	19810310443	BÙI HỮU	NAM	18/08/2001
122	CNTT	D14CNPM6	19810310462	CAO VĂN	TÚ	23/08/2001
123	CNTT	D14CNPM6	19810310436	LÊ VŨ HOÀNG	ANH	27/02/2001
124	CNTT	D14CNPM7	19810310484	TRẦN HỮU	MẠNH	19/10/2001

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
125	CNTT	D14CNPM7	19810310510	LƯU VĂN	MINH	13/12/2001
126	CNTT	D14CNPM7	19810310503	NGUYỄN QUỐC	HOÀNG	29/12/2001
127	CNTT	D14CNPM7	19810310547	ĐINH ANH	QUÂN	31/10/2001
128	CNTT	D14CNPM7	19810310483	NGUYỄN THANH	LONG	09/01/2001
129	CNTT	D14CNPM8	19810310599	PHẠM VĂN	HOÀNG	26/02/2001
130	CNTT	D14CNPM8	19810310573	ĐỖ PHI	HÙNG	26/12/2000
131	CNTT	D14CNPM8	19810310603	ĐỖ HOÀNG	BÁCH	29/09/2001
132	CNTT	D14CNPM8	19810340318	NGUYỄN VĂN	HÙNG	09/03/2001
133	CNTT	D14CNPM8	19810310578	NGÔ XUÂN	SƠN	10/09/2001
134	CNTT	D14CNPM8	19810310570	PHẠM THANH	HÙNG	01/02/2001
135	CNTT	D14CNPM8	19810310597	VŨ ĐỨC	HIỂN	20/06/2001
136	CNTT	D14CNPM8	19810310601	LÊ TRỌNG	LINH	25/05/2001
137	CNTT	D14CNPM8	19810310602	TRẦN NGỌC	QUỲNH	21/9/2001
138	CNTT	D14CNPM8	19810310648	NGUYỄN VĂN	LỢI	27/08/2001
139	CNTT	D14QTANM1	19810320079	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	09/09/2001
140	CNTT	D14QTANM1	19810320123	PHẠM PHƯƠNG	NAM	24/05/2001
141	CNTT	D14QTANM1	19810320415	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	03/12/2001
142	CNTT	D14QTANM1	19810320179	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	23/10/2001
143	CNTT	D14QTANM1	19810320220	NGUYỄN MINH	QUANG	10/06/2001
144	CNTT	D14QTANM1	19810320048	NGÔ ĐẠI	NGHĨA	24/05/2001
145	CNTT	D14QTANM1	19810320063	ĐỖ MINH	HIẾU	16/5/2001
146	CNTT	D14QTANM1	19810320430	PHẠM ĐÌNH	TRUNG	05/01/2001
147	CNTT	D14QTANM1	19810320253	NGUYỄN DUY	HÙNG	07/10/2001
148	CNTT	D14QTANM2	19810320113	PHẠM DANH	VƯƠNG	19/02/2001
149	CNTT	D14QTANM2	19810320390	LƯU TUẤN	ĐẠT	14/02/2001
150	CNTT	D15CNPM1	20810310045	NGUYỄN ĐỨC	LONG	02/09/2002
151	CNTT	D15CNPM1	20810340183	HOÀNG ĐỨC	KHIÊM	21/03/2002
152	CNTT	D15CNPM1	20810310013	NGUYỄN QUANG	HUY	11/02/2002
153	CNTT	D15CNPM1	20810310040	NGUYỄN KHÁNH	NAM	01/11/2001
154	CNTT	D15CNPM1	20810310049	PHẠM MINH	QUÂN	14/9/2002
155	CNTT	D15CNPM2	20810310072	SÁI HỮU	ĐỘ	10/02/2002
156	CNTT	D15CNPM2	20810310068	TRƯƠNG NHẬT	HUY	10/5/2002
157	CNTT	D15CNPM3	20810310360	PHÙNG VĂN	THẮNG	08/09/2002
158	CNTT	D15CNPM3	20810310301	PHÙNG CHÍ	KIÊN	24/02/2002
159	CNTT	D15CNPM4	20810310374	NGUYỄN NGỌC	KHANG	20/10/2002
160	CNTT	D15CNPM5	20810310450	NGUYỄN HỒNG	PHI	17/11/2002
161	CNTT	D15CNPM5	20810310427	ĐỖ HUY	PHÚC	15/01/2002
162	CNTT	D15CNPM5	20810310478	PHẠM NHẬT	LONG	15/10/2002
163	CNTT	D15CNPM6	20810310554	NGUYỄN PHÚ	TRUNG	16/06/2002
164	CNTT	D15CNPM6	20810310537	ĐẶNG VĂN	HIẾU	13/05/2002
165	CNTT	D15CNPM6	20810310534	BÙI MINH	QUANG	24/09/2002
166	CNTT	D15CNPM7	20810320122	ĐINH	TRUNG	28/03/2002

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
167	CNTT	D15CNPM7	20810320088	HOÀNG KHẮC	HUYNH	21/3/2002
168	CNTT	D15CNPM7	20810310577	NGUYỄN CUỘC	TIẾN	27/03/2002
169	CNTT	D15HTTMDT1	20810310081	DƯƠNG THẾ	NGỌC	25/10/2002
170	CNTT	D15HTTMDT2	20810340222	NGUYỄN ANH	TÚ	26/06/2002
171	CNTT	D15QTANM	20810310050	GIANG TRUNG	KIÊN	05/8/2002
172	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810310533	LONG HOÀNG	SƠN	30/04/2002
173	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810310280	NGUYỄN TIẾN	AN	19/12/2002
174	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810340247	TRẦN ĐÌNH	LỘC	16/11/2002
175	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810340227	NGUYỄN MINH	ĐỨC	16/04/2002
176	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810310567	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THANH	31/08/2002
177	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810310542	PHẠM VIỆT	TRỌNG	06/10/2002
178	CNTT	D15TTNT&TGMT	20810340232	ĐẬU CÔNG HẠN	HỮU	29/05/2002
179	DK&TDH	D13TDH&DKTBCN2	18810430193	THÁI BÁ	ĐỨC	11/07/1998
180	DK&TDH	D14CNKTDK1	19810410339	NGUYỄN MẠNH	HÀ	21/01/2001
181	DK&TDH	D14TDH&DKTBCN1	19810430326	NGUYỄN TẮT	TIẾP	24/05/2001
182	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN1	20810430313	LÊ VĂN	ĐẠT	20/04/2002
183	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN1	20810410050	KHÔNG ĐỨC	NGUYỄN	15/12/2002
184	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN2	20810410082	PHAN THANH	LỊCH	01/01/2002
185	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN3	20810430144	NGUYỄN HỒNG	HIẾU	03/9/2002
186	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN3	20810430139	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	30/09/2002
187	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN4	20810430235	TRẦN ĐỨC	SÂM	11/11/2002
188	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN4	20810430234	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	22/02/2002
189	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN4	20810430205	CHU NGỌC	HÂN	10/12/2002
190	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN4	20810430188	NGUYỄN HÙNG	TIẾN	18/11/2002
191	DK&TDH	D15TDH&DKTBCN5	20810430291	VŨ NGỌC	HÓA	28/06/2001
192	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810410063	NGUYỄN ĐỨC	THỌ	18/11/2002
193	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810410106	VŨ VĂN	HÀ	15/8/2001
194	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810410078	ĐỖ MINH	CHIẾN	16/6/1997
195	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810430416	MAI VĂN	NAM	16/10/2002
196	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810410052	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	29/5/2002
197	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810430228	NGUYỄN TẮT	ĐẠT	28/10/2002
198	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810430374	NGUYỄN HỮU	KHUÊ	28/09/2002
199	DK&TDH	D15THDK&TDH	20810430412	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	02/03/2002
200	DTVT	D13DTVT	18810510133	LÊ MINH	ĐỨC	14/01/2000
201	DTVT	D14DT&KTMT	19810540051	CHU ĐÌNH	HIẾU	15/11/2001
202	DTVT	D14DT&KTMT	19810510164	ĐỒNG VĂN	NGHIỆP	07/06/2001
203	DTVT	D14DTVT	19810510163	LÊ HUY	BÁCH	20/10/2001
204	DTVT	D14DTVT	19810510171	HÀ HẢI	TUÂN	18/02/2000
205	DTVT	D15DT&KTMT	20810510081	LƯỠNG VĂN	THẮNG	18/09/2002
206	DTVT	D15DT&KTMT	20810000319	BÙI XUÂN	HUY	17/11/2002
207	DTVT	D15DTVT	20810510108	TRỊNH VIỆT	HOÀNG	19/08/2002
208	DTVT	D15DTVT	20810510095	QUÁCH DUY	ĐẠI	15/03/2001

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
209	DTVT	D15DTVT	20810510116	KIM THÀNH	NAM	02/12/2002
210	DTVT	D15KTDĐT	20810540338	ĐẶNG TUẤN	THÀNH	11/05/2002
211	DTVT	D15KTDĐT	20810540025	CAO NGỌC	VŨ	09/4/2002
212	DTVT	D15TBDTYT	20810000287	VŨ HOÀNG	HIẾU	01/10/2002
213	DTVT	D15TBDTYT	20810540053	NGUYỄN ĐỨC	HUY	26/9/2002
214	DTVT	D15TBDTYT	20810540024	PHẠM HOÀI	NAM	05/7/2002
215	KT&QL	D14KTDN2	19810810061	VŨ THỊ THÙY	DUNG	29/03/2001
216	KT&QL	D14KTDN2	19810810068	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	10/3/2001
217	KT&QL	D14KTDN2	19810810183	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	14/11/2001
218	KT&QL	D15KTDN3	20810830220	NGUYỄN THỊ	DIỄM	04/07/2002
219	KT&QL	D15KTDN3	20810810140	BÙI THỊ	YẾN	10/04/2002
220	KT&QL	CLC.D14KTDN	19810840007	NGUYỄN QUANG	HUY	28/04/2001
221	KT&QL	CLC.D14QTDN	19810710019	LÊ HỒNG	PHONG	07/11/2001
222	KT&QL	CLC.D14QTDN	19810710028	NGUYỄN DƯƠNG CHIỀU	THU	10/12/2001
223	KT&QL	CLC.D14QTDN	19810710039	NGUYỄN THÁI MINH	PHƯỚC	22/10/2001
224	KT&QL	D14KDTMTT	19810000041	NGUYỄN QUỲNH	ANH	23/05/2001
225	KT&QL	D14KDTMTT	19810000032	LÊ THU	QUỲNH	21/05/2001
226	KT&QL	D14KDTMTT	19810000164	NGUYỄN VĂN	LỢI	16/7/2001
227	KT&QL	D14KIEMTOAN	19810850002	TRẦN ANH	QUÂN	10/05/2001
228	KT&QL	D14KIEMTOAN	19810850008	NGUYỄN TRỌNG	LỖI	23/02/2001
229	KT&QL	D14KTDN1	19810810202	LÒ MINH	TRANG	07/9/2001
230	KT&QL	D14KTDN1	19810810005	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	19/06/2001
231	KT&QL	D14KTDN1	19810810017	CAO THU	THẢO	03/8/2001
232	KT&QL	D14KTDN3	19810810118	THẠCH MINH	HẰNG	19/02/2001
233	KT&QL	D14KTDN3	19810810160	VŨ THỊ	TRANG	13/08/2001
234	KT&QL	D14KTDN3	19810810142	ĐÀO NGUYỄN	VŨ	22/01/2001
235	KT&QL	D14NGANHANG	19810840059	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	20/05/2001
236	KT&QL	D14NGANHANG	19810840066	DƯƠNG THỊ	HẠNH	05/06/2001
237	KT&QL	D14NGANHANG	19810840021	TRẦN THU	THU	02/09/2001
238	KT&QL	D14NGANHANG	19810840064	BÙI HỮU	HÙNG	24/10/1997
239	KT&QL	D14QTDLKS1	19810720083	TẠ VĂN	BỘ	24/3/2000
240	KT&QL	D14QTDLKS1	19810720034	TRẦN BẢO	NGỌC	18/07/2001
241	KT&QL	D14QTDLKS1	19810720081	LÊ HUYỀN	MY	30/11/2001
242	KT&QL	D14QTDLKS1	19810720088	NGUYỄN QUANG	HUY	01/01/2001
243	KT&QL	D14QTDLKS2	19810720153	NGUYỄN QUỲNH	GIAO	02/07/2001
244	KT&QL	D14QTDLKS2	19810720216	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	27/01/2001
245	KT&QL	D14QTDLKS2	19810720237	LÊ THỊ KIM	NGÂN	20/01/2001
246	KT&QL	D14QTDLKS2	19810710169	NGUYỄN QUANG	HUY	04/08/2001
247	KT&QL	D14QTDLKS2	19810720142	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	15/08/2001
248	KT&QL	D14QTDLKS2	19810720213	ĐẶNG HÀ	MINH	26/12/2001
249	KT&QL	D14QTDN2	19810710116	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	27/10/2001
250	KT&QL	D14QTDN3	19810710256	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	14/10/2001

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
251	KT&QL	D14QTDN3	19810710259	VĂN MINH	TUẤN	12/12/2001
252	KT&QL	D14TCDN	19810000140	LƯƠNG TRÁC NGỌC	NINH	17/4/2001
253	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000063	NGUYỄN QUÝ	TRUNG	24/04/2002
254	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000093	PHẠM DUY	HÙNG	24/04/2002
255	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000147	NGUYỄN VĂN	MẠNH	24/06/2002
256	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000330	ĐỖ THỊ	NHUNG	23/03/2002
257	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000088	NGUYỄN HỒNG	SƠN	21/06/2002
258	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000033	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	10/11/2002
259	KT&QL	D15KDTMTT1	20810000142	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	02/09/2002
260	KT&QL	D15KDTMTT2	20810000245	NGUYỄN QUANG	MINH	02/06/2002
261	KT&QL	D15KDTMTT2	20810000011	NGUYỄN TRẦN VƯƠNG	MINH	20/5/2002
262	KT&QL	D15KDTMTT2	20810000112	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	27/07/2002
263	KT&QL	D15KDTMTT2	20810000152	SÔI BÍCH	NGỌC	06/10/2002
264	KT&QL	D15KDTMTT2	20810000194	TRẦN ĐẠI	ĐỒNG	28/10/2002
265	KT&QL	D15KDTMTT2	20810000249	NGUYỄN ĐĂNG	HIẾU	30/10/2002
266	KT&QL	D15KIEMTOAN1	20810850028	NGUYỄN VĂN	MÃO	23/05/1988
267	KT&QL	D15KTDN1	20810810002	PHẠM THÙY	LINH	14/8/2002
268	KT&QL	D15KTDN1	20810810042	BÙI ĐỨC	CÔNG	20/02/2002
269	KT&QL	D15KTDN1	20810810093	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/06/2002
270	KT&QL	D15KTDN1	20810810121	ĐINH PHƯƠNG	DUYÊN	26/07/2001
271	KT&QL	D15KTDN2	20810810127	NGUYỄN THỊ	LIÊN	06/09/2002
272	KT&QL	D15KTDN2	20810810142	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	13/12/2002
273	KT&QL	D15KTDN2	20810810181	NGÔ HẢI	ANH	03/07/2002
274	KT&QL	D15NGANHANG	20810820128	NGUYỄN NGỌC HÀ	PHƯƠNG	26/10/2002
275	KT&QL	D15NGANHANG	20810820144	NGUYỄN KHÁNH	AN	07/04/2002
276	KT&QL	D15NGANHANG	20810820090	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	23/05/2002
277	KT&QL	D15QTDLKS	20810710264	BÙI QUANG	VINH	04/03/2002
278	KT&QL	D15QTDN1	20810710077	PHẠM LONG	HẢI	19/8/2002
279	KT&QL	D15QTDN1	20810710063	TÔ VĂN	HUY	03/5/2002
280	KT&QL	D15QTDN1	20810710250	ĐỖ CƯỜNG	THẮNG	19/02/2002
281	KT&QL	D15QTDN1	20810710110	MAI HỒNG	QUÂN	21/12/2002
282	KT&QL	D15QTDN1	20810710083	NGUYỄN HOÀNG	AN	06/9/2002
283	KT&QL	D15QTDN1	20810710087	ĐẶNG QUANG THANH	TÙNG	31/3/2002
284	KT&QL	D15QTDN1	20810710249	HOÀNG VĂN	KHOA	27/04/2002
285	KT&QL	D15QTDN1	20810710247	BÙI ĐẶNG THU	PHƯƠNG	27/12/2002
286	KT&QL	D15QTDN2	20810710150	VŨ LAM	TRƯỜNG	08/12/2002
287	KT&QL	D15QTDN2	20810710294	TRẦN QUANG	MINH	04/09/2002
288	KT&QL	D15QTDN2	20810710293	TRẦN TRÍ	DŨNG	05/08/2002
289	KT&QL	D15QTDN3	20810710240	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	13/05/2002
290	KT&QL	D15QTDN3	20810710298	NGUYỄN PHẠM TRUNG	ANH	30/04/2002
291	KT&QL	D15QTDN3	20810710204	PHẠM ĐÌNH	TẤN	26/07/2002
292	KT&QL	D15QTDN3	20810710265	CAO VĂN	HIỆP	28/08/2002

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
293	KT&QL	D15QTDN5	20810000304	NGUYỄN HUY	VƯỢNG	22/01/2002
294	KT&QL	D15QTDN5	20810710125	VŨ VĂN	THÁI	06/11/2002
295	KT&QL	D15QTDN5	20810720040	PHẠM KHẮC	GIANG	07/01/2001
296	KT&QL	D15QTDN5	20810000331	NGUYỄN THỊ CẨM	UYÊN	14/09/2002
297	KT&QL	D15QTDVDL&LH1	20810000236	LŨ TRỌNG	ĐẠT	24/06/2002
298	KT&QL	D15QTDVDL&LH1	20810000391	ĐOÀN MINH	ANH	22/10/2002
299	KT&QL	D15QTDVDL&LH2	20810000060	NGUYỄN TRƯỜNG	ANH	26/9/2002
300	KT&QL	D15QTDVDL&LH2	20810000481	NGUYỄN HỮU	ĐAN	08/11/2002
301	KT&QL	D15QTDVDL&LH2	20810000326	LÊ ĐỨC	HUY	05/12/2002
302	KT&QL	D15QTDVDL&LH2	20810000173	TRẦN NHẬT	HIẾU	13/10/2002
303	KT&QL	D15QTDVDL&LH2	20810000466	PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	18/11/2002
304	KT&QL	D15QTDVDL&LH2	20810000190	NGUYỄN CÔNG	KHOA	31/12/2002
305	KT&QL	D15TCDN1	20810820035	TRẦN THỊ THÚY	NGA	01/12/2002
306	KT&QL	D15TCDN2	20810840024	BÙI QUỐC	HÙNG	01/12/2001
307	KT&QL	D15TCDN2	20810820094	ĐINH THỊ KHÁNH	LINH	05/06/2002
308	KT&QL	D15TCDN2	20810820121	PHAN NGỌC	MINH	27/08/2002
309	KT&QL	D15TCDN2	20810820132	VŨ VĂN	THƯƠNG	17/03/2000
310	KT&QL	D16NGANHANG2	21810840336	NGÔ UYÊN	NHI	02/08/2003
311	KTD	D15DCN&DD1	20810420047	KHUẤT THẾ ANH	HIẾU	16/4/2002
312	KTD	D13DCN&DD2	18810420305	BÙI TRUNG	ĐỨC	04/09/2000
313	KTD	D13DCN&DD2	18810420160	CHU THÀNH	MẠNH	08/10/2000
314	KTD	D13H3	18810110105	LÊ MINH	PHÚ	18/03/2000
315	KTD	D13H3	18810110096	CHẢO LÁO	SAN	17/08/2000
316	KTD	D15LTH1	20710420042	NGUYỄN MẠNH	LINH	12/10/1991
317	KTD	D15LTH1	20710420018	NGUYỄN KIM	SƠN	04/09/1999
318	KTD	D15LTH1	20710420041	BÙI HỮU	HÒA	15/10/1984
319	KTD	D15LTH1	20710420002	VŨ HOÀNG	ANH	23/06/1999
320	KTD	D15LTH1	20710420012	ĐINH TIẾN	DŨNG	20/09/1997
321	KTD	D15H2	20810110240	HỨA ĐẠI	DƯƠNG	01/07/2002
322	KTD	D15H2	20810110229	NGUYỄN VĂN	TUẤN	27/07/2002
323	KTD	D15H2	20810110224	NGÔ TÙNG	DƯƠNG	17/09/2002
324	KTD	D15H2	20810110221	MAI VĂN	QUÂN	05/12/2002
325	KTD	D14DCN&DD2	19810420204	NGUYỄN VĂN HOÀI	NAM	02/05/2001
326	KTD	D15DCN&DD1	20810160552	BÙI NHẬT	CỦ	03/04/2002
327	KTD	D15DCN&DD1	20810170306	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	17/03/2002
328	KTD	D15DCN&DD2	20810170395	TRẦN KIM	TRỌNG	11/03/2002
329	KTD	D15DCN&DD2	20810170320	VŨ VĂN	TUYẾN	19/01/2002
330	KTD	D15H3	20810110252	BÙI VĂN	DŨNG	26/08/2002
331	KTD	D15TDHHTD2	20810170391	NGUYỄN VĂN	TOÀN	09/08/2002
332	KTD	D15DCN&DD1	20810420070	TRẦN HOÀNG	DŨNG	21/02/2002
333	KTD	D15H2	20810160557	NGUYỄN THẾ	TÙNG	01/01/2002
334	KTD	D15V2H1	20830110006	BÙI CHÍ	HIẾU	17/12/1996

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
335	KTD	D15V2H1	20830110019	NGÔ VĂN	KIỆT	19/01/1994
336	KTD	D15V2H1	20830110023	NGUYỄN VIỆT	SƠN	21/09/1995
337	KTD	D15H1	20810110158	CAO QUANG	MINH	06/10/2002
338	KTD	D13TDHHTD	18810170289	ĐINH ĐOÀN MẠNH	KIÊN	05/07/2000
339	KTD	D15DCN&DD2	20810160484	TRẦN DUY	ĐÔNG	08/09/2002
340	KTD	D15DCN&DD2	20810160529	TRẦN MINH	HANH	09/09/2002
341	KTD	D15DCN&DD2	20810170376	HÀ MINH	HOÀNG	17/09/2002
342	KTD	D15DCN&DD2	20810160522	NGUYỄN CÔNG	LƯU	23/06/2002
343	KTD	D15H3	20810110293	PHẠM HỒNG	NHẬT	20/02/2002
344	KTD	D15TDHHTD2	20810170368	LÊ TRỊNH NGUYỄN	PHONG	18/03/2002
345	KTD	D15DCN&DD2	20810160530	NGUYỄN QUỐC	BẢO	16/04/2002
346	KTD	D15LTH1-T	20610110004	TẠ TUẤN	SANG	27/11/1997
347	KTD	D15TDHHTD2	20810170405	NGUYỄN ANH	QUÂN	23/02/2002
348	KTD	D15V2H1	20830110016	LÊ DUY	TRUNG	29/12/1976
349	KTD	D15V2H1	20830110017	NGUYỄN THÀNH	LÂM	28/02/1974
350	KTD	D15LTH1-T	20610110002	LÊ VĂN	HUẤN	16/11/1985
351	KTD	D15V2H1	20830110009	NGUYỄN HUY	HOÀNG	16/03/1993
352	KTD	CLC.D14H	19810110021	NGUYỄN VĂN	THẮNG	05/09/2001
353	KTD	D15H1	20810170319	VŨ NGOC	ÁNH	24/08/2002
354	KTD	D13TDHHTD	18810170107	HÀ VIỆT	TRUNG	14/09/2000
355	KTD	D15H2	20810110212	NGUYỄN VĂN	PHONG	04/12/2002
356	KTD	D15H4	20810420054	ĐỖ SƠN	HẢI	21/11/2002
357	KTD	D15H6	20810170349	NGUYỄN VĂN	TÚ	07/05/2002
358	KTD	D15H6	20810160478	ĐỖ VĂN	DŨNG	07/08/2002
359	KTD	D15H5	20810420065	LÒ TIẾN	THÀNH	14/8/2002
360	KTD	D15H5	20810160450	TRẦN VĂN	TUỆ	06/07/2002
361	KTD	D15H5	20810420086	ĐẶNG MINH	THÀNH	04/6/2002
362	KTD	D15H5	20810160473	THÁI TRUNG	HẢI	28/11/2002
363	QLCN&NL	D13LOGISTICS	18810230023	NGUYỄN ĐỨC	SƠN	04/11/2000
364	QLCN&NL	D13QLCN	18810220010	NGUYỄN THỊ HIẾU	THẢO	25/12/2000
365	QLCN&NL	D13QLCN	18810220017	TRẦN MINH	HẢI	17/07/2000
366	QLCN&NL	D13QLNL	18810210012	DƯƠNG PHƯƠNG	KHANH	29/09/2000
367	QLCN&NL	D14QLDT&KH	19810000154	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	12/9/2001`
368	QLCN&NL	D14QLSX&TN	19810000001	ĐỖ CÔNG	ĐẠI	18/11/2001
369	QLCN&NL	D15LOGISTICS1	20810230041	NGHIÊM NGỌC	BÍCH	07/01/2002
370	QLCN&NL	D15LOGISTICS2	20810230081	PHÙNG THỊ KIM	ANH	28/01/2002
371	QLCN&NL	D15LOGISTICS2	20810230070	NGUYỄN VĂN	MẠNH	25/11/2002
372	QLCN&NL	D15LOGISTICS2	20810230069	ĐINH ĐỨC	TIẾN	20/05/2002
373	QLCN&NL	D15QLSX&TN	20810000348	NGUYỄN HOÀNG MINH	THƯ	14/06/2002
374	QLCN&NL	D15TTDIEN	20810000002	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NGỌC	22/8/2002
375	XD	D14XDCTD	19810640007	ĐỖ XUÂN	KẾ	05/07/2001
376	XD	D14XDCTD	19810640098	LÊ DOÃN	NAM	19/11/2001

STT	Khoa quản lý	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh
377	XD	D15QLDA&CTXD	20810630081	TRẦN THU NGÂN	THẢO	28/11/2002
378	XD	D15QLDA&CTXD	20810630022	TRẦN QUỐC	VIỆT	30/06/2002
379	XD	D15QLDA&CTXD	20810630080	NGÔ ANH	TUẤN	23/06/2002
380	XD	D15QLDA&CTXD	20810630068	LƯU TOÀN	THẮNG	13/06/2002
381	XD	D15XDDD&CN	20810630057	BÙI VĂN	HÙNG	21/04/2001
382	XD	D15XDDD&CN	20810630050	BÙI MINH	TUẤN	01/08/2002
383	XD	D15XDDD&CN	20810630067	PHẠM DUY	HÙNG	24/09/2002
384	XD	D15XDDD&CN	20810630060	MAI LÊ	HIỀN	25/08/2002